TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6
AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Hoa.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Vũ Thùy D, sinh năm 1985, CC số 091185000909; địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Ông Thái Văn L, sinh năm 1984; CCCD số 091084002594; địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Thùy D trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà D và ông L qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện yêu thương nhau sau đó được sự thống nhất của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã V, tỉnh An Giang) theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống hôn nhân xuất hiện nhiều điểm bất đồng, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù đã vợ chồng cố gắng hàn gắn để hạnh phúc gia đình không bị đỗ vỡ nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống hôn nhân vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông L, yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà D có 02 con chung là Thái Quang M, giới tính: nam, sinh ngày 18/8/2010 và Thái Quang H, giới tính: nam, sinh ngày 04/8/2019, hiện nay các con đang sống chung với bà D. Nay ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con 02 mỗi tháng 2.000.000 đồng/người con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án: Ông Thái Văn L trình bày ý kiến thống nhất với yêu cầu ly hôn và đồng ý cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của bà D thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/6/2026. Tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời ông L xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo

quy định; có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà D và ông L có 02 con chung là Thái Quang M, giới tính: nam, sinh ngày 18/8/2010 và Thái Quang H, giới tính: nam, sinh ngày 04/8/2019, hiện nay các con đang sống chung với bà D. Nay ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con 02 mỗi tháng 2.000.000 đồng/người con. Ông L thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao các con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, ông L cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng/01 đứa con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Thái Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của ông L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

Nguyên đơn bà D yêu cầu ly hôn với bị đơn ông L, yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"; bà D yêu cầu ly hôn với ông L, ông L có nơi cư trú tại ấp B, xã V, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực nên Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D và ông L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù ông bà đã có thời gian để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và hơn nữa ông bà đã sống ly thân. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông L, bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông L ông L xác định hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D nên căn cứ Điều 55 (*thuận tình ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Vũ Thùy D và ông Thái Văn L.

[**2.2**] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà D và ông L có 02 con chung là Thái Quang M, giới tính: nam, sinh ngày 18/8/2010 và Thái Quang H, giới tính: nam, sinh ngày 04/8/2019, hiện nay các con đang sống chung với bà D. Nay ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con 02 mỗi tháng 2.000.000 đồng/người con. Ông L thống nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao các con cho D trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, ông L cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng/01 đứa con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. *(Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật). ông* L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Nếu đến thời gian thỏa thuận, ông L vi phạm nghĩa vụ về cấp dưỡng như đã thỏa thuận, bà D có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự buộc ông L phải giao số tiền cấp dưỡng và còn phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền cấp dưỡng chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng bà D chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 301336 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang. Án Phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ông phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83 ,Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Bà Nguyễn Vũ Thùy D được ly hôn với ông Thái Văn L.

2- Về con chung: Ông L và bà D xác định vợ chồng có 02 người con chung là Thái Quang M, giới tính: nam, sinh ngày 18/8/2010 và Thái Quang H, giới tính: nam, sinh ngày 04/8/2019, hiện nay các con đang sống chung với bà D. Nay ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con 02 mỗi tháng 2.000.000 đồng/người con. Ông L thống nhất với yêu cầu của bà D và phù hợp theo nguyện vọng của cháu M nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao các

con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000 đồng/01 đứa con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. *(Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật).* ông L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L vi phạm nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì ngoài số tiền cấp dưỡng ông L phải nộp và còn phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền cấp dưỡng chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4- Án phí sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng bà D chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 301336 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang.

Án Phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ông L phải nộp.

5- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *UBND xã Vĩnh Hòa;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 6, tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; - Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mỹ Vinh

TAND KHU VỰC 6

5ZA180526.TL.QDBA
550